

## Ba bài kinh căn bản

### 1. Kinh Vô Ngã Tướng

#### *Anattalakkhana sutta*

---

*Giới thiệu: Đây là bài Pháp thứ hai mà Đức Phật giảng cho các vị đệ tử đầu tiên, 5 anh em Kiều Trần Như. Sau khi nghe xong bài Pháp này, anh em Kiều Trần Như giác ngộ và đắc quả A la hán. [1]*

*Bài dịch này trích từ quyển "Đức Phật và Phật Pháp", Phạm Kim Khánh dịch từ quyển "The Buddha and His Teachings" của Hòa Thượng Narada.*

--oOo--

Một thời nọ, lúc Đức Thế Tôn ngự tại vườn Lộc Uyển, xứ Chư Thiên Đọa Xứ (Isipatana), gần Ba La Nại (Benares), Ngài dạy nhóm năm vị tỳ khưu như sau:

-- Này hỡi các Tỳ Khưu!

-- Bạch hóa Đức Thế Tôn, năm vị trả lời.

Rồi Đức Phật truyền dạy:

-- Này hỡi các Tỳ Khưu, sắc (rūpa, thể chất, xác thân này) là vô ngã (anattā, không có một linh hồn [2]). Này hỡi các Tỳ Khưu, nếu trong sắc có ngã, như vậy sắc không phải chịu đau khổ. *Sắc này phải như vậy hay phải như thế kia*, tương hợp tương tự có thể xảy ra. Nhưng vì sắc không có ngã nên sắc này

còn phải chịu khổ đau và không thể có trường hợp (ra  
linh): *Sắc này phải như vậy, hay phải như thế kia* [3].

Cùng một cách ấy, thọ (vedana), tưởng (sanna), hành  
(samkhara) và thức (vinnana) đều vô ngã [4].

Vậy như Tỳ Khuru nghĩ thế nào, thân này thường còn hay vô  
thường?

-- Bạch Thế tôn, là vô thường (anicca).

-- Cái gì vô thường là khổ não hay hạnh phúc?

-- Bạch Thế tôn là khổ não.

-- Vậy, có hợp lý chăng nếu nghĩ đến cái gì vô thường, khổ não  
và tạm bợ với ý tưởng: *Cái này của tôi, đây là tôi, đây là tự  
ngã của tôi?*

-- Bạch Đức Thế Tôn, chắc chắn là không hợp lý.

-- Cùng một thể ấy, này hỡi các Tỳ Khuru, thọ, tưởng, hành,  
thức, đều là vô thường và khổ não. Vậy, có hợp lý chăng nếu  
nghĩ đến cái gì vô thường, khổ não và tạm bợ với ý tưởng: *Cái  
này của tôi, đây là tôi, đây là tự ngã của tôi* [5]?

-- Bạch đức Thế tôn, chắc chắn là không hợp lý.

-- Như vậy, này hỡi các Tỳ Khuru:

Tất cả các sắc, dầu ở quá khứ, hiện tại hay tương lai, ở bên  
trong hay ở ngoài cảnh, thô kịch hay vi tế, thấp hèn hay cao  
thượng, xa hay gần, phải được nhận thức theo thực tướng của  
nó ---- ***Cái này không phải của tôi, đây không phải là tôi, cái  
này không phải là tự ngã của tôi.***

Tất cả các thọ, tưởng, hành, thức, dầu ở quá khứ, hiện tại hay  
tương lai, ở bên trong hay ở ngoài cảnh, thô kịch hay vi tế, thấp

hèn hay cao thượng, xa hay gần, phải được nhận thức theo thực tướng của nó ---- ***Cái này không phải của tôi, đây không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi.***

Bậc Thánh đệ tử đã thông suốt pháp học thấy vậy thì nhàm chán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, dứt bỏ, không luyến ái những gì không đáng ưa thích và do sự dứt bỏ ấy, được giải thoát. Rời tri kiến trở nên sáng tỏ ---- "***Ta đã được giải thoát***". Vị ấy thấu hiểu rằng dòng sanh tử đã chấm dứt, đời sống phạm hạnh đã được thành tựu, những điều phải làm đã được hoàn tất viên mãn, không còn trở lại trạng thái này nữa.

Đức Thế Tôn giảng giải như vậy và các Tỷ Khuru lấy làm hoan hỉ, tán dương lời dạy của Ngài.

Khi Đức Phật thuyết xong thời Pháp, tâm của năm vị tỷ khuru đều trở nên hoàn toàn trong sạch, không còn chút ô nhiễm [6].

***Bản Anh ngữ: HT Narada (The Buddha and His Teachings)***  
***Bản dịch Việt ngữ: Phạm Kim Khánh (Đức Phật và Phật Pháp)***

---

### **Chú thích:**

1. Mahavagga tr. 13; Samyutta Nikaya (Tương Ưng Bộ) phần III, tr. 66. Đây là bài Pháp thứ hai Đức Phật giảng cho 5 anh em Kiều Trần Như sau khi Ngài đắc đạo (bài Pháp đầu tiên là bài Chuyên Pháp Luân).
2. Một thực thể không biến đổi tạo nên do một Thần Linh hay phát ra từ một đại hồn (Paramama, tinh hoa của Thần Linh)
3. Cái được gọi là chúng sanh gồm năm uẩn. Ngoài năm uẩn ấy không có chúng sanh. Nếu bỏ năm uẩn ra sẽ không còn gì tồn tại. Không có linh hồn hay bản ngã trong một uẩn riêng rẽ, không có linh hồn trong

năm uẩn hợp lại mà linh hồn cũng không có ngoài năm uẩn ấy.

4. Đức Phật giảng giải giống như đoạn trên với thọ, tưởng, hành, thức, và cho thấy rằng không có một linh hồn hay bản ngã trong uẩn nào. Ở đây bản dịch thu gọn lại.
5. Vì bị ái dục (tanha) che lấp ta suy tưởng sai lầm: -- đây là của tôi. Bị ngã mạn (māna) che lấp ta suy tưởng: -- đây là tôi. Bị tà kiến (miccha dithi) che lấp ta suy tưởng: -- đây là tự ngã của tôi. Đó là ba quan niệm sai lầm (mannana)
6. Đó là đặc quả A La Hán.

---

*Chân thành cảm ơn anh TABTT đã có thiện tâm giúp đánh máy lại bài kinh này*

---

***Bản dịch Việt của HT Thích Minh Châu:***

**Vô ngã tướng**

**(Đại 2,7c) (Luật tạng, Đại phẩm q.1, từ trang 3) (S.iii,66)**

---

1) Một thời Thế Tôn ở Bàrànasi (Ba-la-nại), tại Isipatana (Chư Tiên đạo xứ), vườn Lộc Uyển.

2) Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". -- "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

3) -- Sắ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu sắ là ngã, thì sắ không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắ như sau: "Mong rằng sắ của tôi là như thế này! Mong rằng sắ của tôi chẳng phải như thế này!"

4) Và này các Tỷ-kheo, vì sắ là vô ngã. Do vậy sắ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắ: "Mong rằng sắ của tôi như thế này! Mong rằng sắ của tôi chẳng phải như thế này!"

5) Thọ, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu thọ là ngã, thì thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được thọ như sau: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

6) Và này các Tỷ-kheo, vì thọ là vô ngã. Do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

7) Tướng, này các Tỷ-kheo, là vô ngã. Này các Tỷ-kheo, nếu tướng là ngã, thì tướng không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được tướng như sau: "Mong rằng tướng của tôi như thế này! Mong rằng tướng của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỷ-kheo, vì tướng là vô ngã. Do vậy, tướng đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các tướng: "Mong rằng tướng của tôi như thế này! Mong rằng tướng của tôi chẳng phải như thế này!"

8) Các hành là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu các hành là ngã, thì các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"

9) Và này các Tỷ-kheo, vì các hành là vô ngã. Do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong

rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"

10) Thức là vô ngã, này các Tỷ-kheo, nếu thức là ngã, thì thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

11) Và này các Tỷ-kheo, vì thức là vô ngã. Do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được thức: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"

12) Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Sắc là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

-- Cái gì vô thường là khô hay lạt?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

13) -- Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Thọ là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

-- Cái gì vô thường là khô hay lạt?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

14) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tướng là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

15) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? các Hành là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn!

-- Cái gì vô thường là khổ hay lạc?

-- Là khổ, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thưa không, bạch Thế Tôn.

16) -- Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?

-- Là vô thường, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường là khô hay lạc?

-- Là khô, bạch Thế Tôn.

-- Cái gì vô thường, khô, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?

-- Thừa không, bạch Thế Tôn.

17) -- Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

18) Phàm thọ gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

19) Phàm tưởng gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

20) Phàm các hành gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

21) Phạm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

22) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, bậc Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

23) Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

---

***English version:***

**Samyutta Nikaya, III-66**

**The Characteristic of Non-self**

***translated by Bhikkhu Bodhi***

---

Thus have I heard. On one occasion the Blessed One was dwelling at Benares in the Deer Park at Isipatana. There the Blessed One addressed the bhikkhus of the group of five thus: "Bhikkhus!"

"Venerable sir!" those bhikkhus replied. The Blessed One said this:

"Bhikkhus, form is non-self. For if, bhikkhus, form were self, this form would not lead to affliction, and it would be possible to decree to form: 'Let my form be thus; let my form not be thus.' But because form is non-self, form leads to affliction, and it is not possible to decree to form: 'Let my form be thus; let my form not be thus.'

"Feeling is non-self. For if, bhikkhus, feeling were self, this feeling would not lead to affliction, and it would be possible to decree to feeling: 'Let my feeling be thus; let my feeling not be thus.' But because feeling is non-self, feeling leads to affliction, and it is not possible to decree to feeling: 'Let my feeling be thus; let my feeling not be thus.'

"Perception is non-self. For if, bhikkhus, perception were self, this perception would not lead to affliction, and it would be possible to decree to perception: 'Let my perception be thus; let my perception not be thus.' But because perception is non-self, perception leads to affliction, and it is not possible to decree to perception: 'Let my perception be thus; let my perception not be thus.'

"Volitional constructions are non-self. For if, bhikkhus, volitional constructions were self, these volitional constructions would not lead to affliction, and it would be possible to decree to volitional constructions: 'Let my volitional constructions be thus; let my volitional constructions not be thus.' But because volitional constructions are non-self, volitional constructions lead to affliction, and it is not possible to decree to volitional constructions: 'Let my volitional constructions be thus; let my volitional constructions not be thus.'

"Consciousness is non-self. For if, bhikkhus, consciousness were self, this consciousness would not lead to affliction, and it would be possible to decree to consciousness: 'Let my consciousness be thus; let my consciousness not be thus.' But because consciousness is non-self, consciousness leads to affliction, and it is not possible to decree to consciousness: 'Let my consciousness be thus; let my consciousness not be thus.'

"What do you think, bhikkhus, is form permanent or impermanent? "Impermanent, venerable sir." "Is what is impermanent suffering or happiness?" "Suffering, venerable sir." "Is what is impermanent, suffering, and subject to change fit to be regarded thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?" "No, venerable sir."

"Is feeling permanent or impermanent? "Impermanent, venerable sir." "Is what is impermanent suffering or happiness?" "Suffering, venerable sir." "Is what is impermanent, suffering, and subject to change fit to be regarded thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?" "No, venerable sir."

Is perception permanent or impermanent? "Impermanent, venerable sir." "Is what is impermanent suffering or happiness?" "Suffering, venerable sir." "Is what is impermanent, suffering, and subject to change fit to be regarded thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?" "No, venerable sir."

Are volitional constructions permanent or impermanent? "Impermanent, venerable sir." "Is what is impermanent suffering or happiness?" "Suffering, venerable sir." "Is what is impermanent, suffering, and subject to change fit to be regarded thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?" "No, venerable sir."

"Is consciousness permanent or impermanent?" "Impermanent, venerable sir." "Is what is impermanent suffering or happiness?" "Suffering, venerable sir." "Is what is impermanent, suffering, and subject to change fit to be regarded thus: 'This is mine, this I am, this is my self'?" "No, venerable sir."

"Therefore, bhikkhus, any kind of form whatsoever, whether past, future, or present, internal or external, gross or subtle, inferior or superior, far or near, all form should be seen as it really is with correct wisdom thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

"Any kind of feeling whatsoever, whether past, future, or present, internal or external, gross or subtle, inferior or superior, far or near, all feeling should be seen as it really is with correct wisdom thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

"Any kind of perception whatsoever, whether past, future, or present, internal or external, gross or subtle, inferior or superior, far or near, all perception should be seen as it really is with correct wisdom thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

"Any kind of volitional constructions whatsoever, whether past, future, or present, internal or external, gross or subtle, inferior or superior, far or near, all volitional constructions should be seen as it really is with correct wisdom thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

"Any kind of consciousness whatsoever, whether past, future, or present, internal or external, gross or subtle, inferior or superior, far or near, all consciousness should be seen as it really is with correct wisdom thus: 'This is not mine, this I am not, this is not my self.'

"Seeing thus, bhikkhus, the instructed noble disciple becomes disenchanted with form, disenchanted with feeling, disenchanted with perception, disenchanted with volitional constructions, disenchanted with consciousness. Being disenchanted, he becomes dispassionate. Through dispassion (his mind) is liberated. When it is liberated there comes the knowledge: 'It is liberated.' He understands: 'Destroyed is birth, the holy life has been lived, what had to be done has been done, there is no more for this world.' "

That is what the Blessed One said. Being pleased, those bhikkhus delighted in the Blessed One's statement. And while this discourse was being spoken, the minds of the bhikkhus of the group of five were liberated from the taints by non-clinging.

**Tương Ưng Bộ, V-420**

**2. Kinh Chuyển Pháp Luân**

***Dhammacakkappavattana sutta***

---

*Giới thiệu: Đây là bài Pháp đầu tiên Đức Phật thuyết giảng cho năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển sau khi*

*Ngài đắc đạo. Bài Pháp này tóm tắt các điểm chính yếu của Đạo Giải Thoát, đó là Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo.*

*Sau đây là bản dịch của Phạm Kim Khánh trong quyển "Đức Phật và Phật Pháp", nguyên tác của Hòa Thượng Narada (The Buddha and His Teachings). Ngoài ra, còn có một bản dịch khác của Hòa Thượng Thích Minh Châu trong Tương Ứng Bộ Kinh do Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam (Chùa Vạn Hạnh) xuất bản năm 1993, và một bản lược dịch của HT Thích Thiện Châu (xem phần cuối).*

-oOo-

Lúc ấy tôi có nghe như thế này:

Một thời nọ, lúc Đức Thế Tôn ngự tại vườn Lộc Uyển (1) xứ Isipatana (2), gần Benares, Ngài dạy năm vị tỳ khưu như sau:

"Hỡi này các Tỳ Khưu, có hai cực đoan (anta) mà hàng xuất gia (pabbajitena) phải tránh:

1. Sự dễ dãi trong dục lạc (3) -- là thấp hèn, thô bỉ, phạm tục, không xứng phẩm hạnh của bậc Thánh nhơn, và vô ích.
2. Sự thiết tha gắn bó trong lối tu khổ hạnh (4) -- là đau khổ, không xứng phẩm hạnh của bậc Thánh nhơn, và vô ích.

Từ bỏ cả hai cực đoan ấy, Như Lai (5) đã chứng ngộ con đường **Trung Đạo** (Majjhima Patipada), là con đường đem lại nhãn quan (cakkhu) và tri kiến (nana) và đưa đến an tịnh (vupasamaya) (6), trí tuệ cao siêu (abhinnāya) (7), giác ngộ (sambhodhaya) (6) và Niết Bàn.

Hỡi các Tỳ Khuru, con đường Trung Đạo mà Như Lai đã chứng ngộ, con đường đem lại nhân quả và tri kiến và đưa đến an tịnh, trí tuệ cao siêu, giác ngộ và Niết Bàn là gì?

Chính là **Bát Chánh Đạo** (con đường có tám chi) -- là Chánh Kiến (samma ditthi), Chánh Tư Duy (samma samkappa), Chánh Ngữ (samma vaca), Chánh Nghiệp (samma kammanta), Chánh Mạng (samma ajiva), Chánh Tinh Tấn (samma vayama), Chánh Niệm (samma sati), và Chánh Định (samma samadhi). Hỡi này các Tỳ Khuru, đó là con đường Trung Đạo mà Như Lai đã chứng ngộ.

*(Đức Phật giảng tiếp:)*

Hỡi này các Tỳ Khuru, bây giờ, đây là **Chơn Lý Cao Thượng về Sự Khổ** (dukkha - ariya - sacca, **khổ** thánh đế):

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ, tóm lại chính thân ngũ uẩn là khổ (9).

Bây giờ, hỡi này các Tỳ Khuru, đây là **Chơn Lý Cao Thượng về Nguồn Gốc của Sự Khổ** (dukkha-samudaya-ariya-sacca, **tập** khổ thánh đế):

Chính Ái Dục là nguyên nhân của sự tái sanh (ponobhavika). Ái hợp với tâm thiết tha khao khát, bám víu cái này hay cái kia (đời sống). Chính là Ái, đeo níu theo nhục dục ngũ trần (kamatanha), ái, đeo níu theo sự sinh tồn (bhavatanha, sanh ái, luyện ái trong ý tưởng cho rằng vạn vật là trường tồn vĩnh cửu), và ái, đeo níu theo ý tưởng không sinh tồn (vibhavatanha, vô sanh ái, luyện ái trong ý tưởng cho rằng sau cái chết là hư vô).

Bây giờ, hỡi này các Tỳ Khuru, đây là **Chơn Lý Cao Thượng về Sự Diệt Khổ** (dukkha-nirodha-ariya-sacca, **diệt** khổ thánh đế):

Đó là sự xa lánh trọn vẹn và sự tận diệt chính cái ái ấy. Đó là sự rời bỏ, sự từ khước, sự thoát ly, và sự tách rời ra khỏi tâm ái dục.

Bây giờ, hỡi này các Tỳ Khuru, đây là **Chơn Lý về Con Đường dẫn đến Sự Diệt Khổ** (dukkha-nirodha-gamini-patipada-ariya-sacca, **đạo** diệt khổ thánh đế):

Đó là Bát Chánh Đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, và Chánh Định.

I-1) Đây là Khổ Thánh Đế

Như vậy, hỡi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

I-2) Khổ Thánh Đế này phải được nhận thức (parinneya)

Như vậy, hỡi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

I-3) Khổ Thánh Đế này đã được nhận thức (parinnata).

Như vậy, hỡi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

II-1) Đây là Tập Khổ Đế

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

II-2) Tập Khổ Đế này phải được tận diệt (pahatabba)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

II-3) Tập Khổ Thánh Đế này đã được tận diệt (pahinam)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng, phát sanh đến Như Lai.

III-1) Đây là Diệt Khổ Thánh Đế

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

III-2) Diệt Khổ Thánh Đế này phải được chứng ngộ (sacchikatabba)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

III-3) Diệt Khổ Chánh Đế này đã được chứng ngộ (sacchikatam)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

IV-1) Đây là Đạo Diệt Khổ Thánh Đế

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

IV-2) Đạo Diệt Khổ Thánh Đế này phải được phát triển (bhavetabbam)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

IV-3) Đạo Diệt Khổ Thánh Đế này đã được phát triển (bhavitam)

Như vậy, hồi này các Tỳ Khuru, đối với các pháp chưa từng được nghe trước kia, nhãn quan, tri kiến, trí tuệ, minh sát tuệ, và ánh sáng phát sanh đến Như Lai.

*(Để kết luận bài Pháp, Đức Phật, dạy:)*

Hồi này các Tỳ Khuru , ngày nào mà tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh đế, dưới **ba sắc thái và mười hai phương thức** (10) chưa được hoàn toàn sáng tỏ thì, cho đến chừng ấy, Như Lai không xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng Sa-Môn, Bà-La-Môn, Trời và Người rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (anuttaram samma sambodhim)

Đến khi, hồi này các Tỳ Khuru, tri kiến tuyệt đối như thực của Như Lai về bốn pháp thánh đế, dưới ba sắc thái và mười hai phương thức đã trở nên hoàn toàn sáng tỏ thì, chỉ đến chừng ấy, Như Lai mới xác nhận trước thế gian gồm chư Thiên, Ma Vương và Phạm Thiên, giữa các chúng Sa-Môn, Bà-La-Môn, Trời và Người rằng Như Lai đã chứng ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Và lúc ấy tri kiến và tuệ giác phát sanh đến Như Lai (nanadassana) -- Tâm của Như Lai đã hoàn toàn giải thoát một cách vững chắc, không còn lay chuyển, và đây là kiếp sống cuối cùng, không còn sinh tồn nào khác nữa (11)."

Đức Phật giảng như thế ấy và các vị Tỳ Khưu lấy làm hoan hỷ tán dương lời dạy của Đức Thế Tôn.

Khi Đức Phật giảng xong bài Pháp, Pháp Nhãn (Dhammacakkhu) (12) của Ngài Kiền-Trần-Như (Kondanna) không còn vương bụi, hết bọt nhờn, và Ngài thấy rằng: "*cái gì có sanh tức phải có diệt*" (13).

Lúc Đức Thế Tôn chuyển Pháp Luân, chư Thiên trên quả địa cầu hoan hô: "Pháp luân này quả thật tuyệt diệu! Không có sa môn, bà la môn, chư Thiên, Ma Vương hay Phạm Thiên nào trên thế gian có thể giảng được, Đức Thế Tôn đã vận chuyển Pháp Luân tại vườn Lộc Uyển, chỗ Chư-Thiên-Đọa Xứ (Isipatana) gần Ba-La-Nại (Benares)."

Nghe như vậy chư thiên ở các cung Trời Tứ Đại Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Xuất Đà, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại, và chư Thiên ở cõi Phạm Chúng Thiên, Brahma Purohita, Đại Phạm Thiên, Thiệu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên, Thiệu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên, Quang Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, và chư Thiên ở cảnh giới Hoàn Toàn Tinh Khiết, cảnh giới Trường Cửu, Thanh Tịnh, Đẹp Đẽ, Quang Đăng và Tối Thượng, cũng đồng thanh hoan hô.

Chính tại lúc ấy, trong khoảnh khắc ấy, tiếng hoan hô thấu đến cõi Phạm Thiên. Mười ngàn thế giới ấy chấn động, lung lay và rung chuyển mạnh mẽ.

Một hào quang rực rỡ phát chiếu, rọi sáng thế gian, sáng tỏ hơn hào quang của chư Thiên nhiều. Đức Thế Tôn nói: "Kondanna quả đã chứng ngộ, Kondanna quả đã chứng ngộ".

Do đó Ngài Kondanna có tên là Annata Kondanna (A nhã Kiều Trần Như).

*Kinh Chuyển Pháp Luân  
Dhammacakkappavattana sutta*

---

**Chú thích:**

1. Mahavagga tr. 10, Samyutta Nikaya (Tương Ưng Bộ), quyển V, trang 420.
2. Hiện nay là Sarnath, nơi mà, trong một tiền kiếp. Đức Thế Tôn đã hy sinh mạng sống để cứu một con thỏ cái đang lâm nạn cùng với một thỏ con chưa sanh. Trong kiếp sống ấy Bồ Tát có tên là Saranganatha, người bảo vệ loài nai, do đó có tên hiện tại của nơi này là Sarnath.
3. Kamasukhallikanuyoga.
4. Attakilamathanuyoga.
5. Đúng theo nghĩa "*Người đã đến như thế ấy*" hay "*Người đã đi như thế ấy.*" Đức Phật thường dùng hình dung từ này để tự xưng.
6. Chế ngự dục vọng.
7. Chứng ngộ Tứ Diệu Đế.
8. Thành đạt bốn đạo và bốn quả.
9. Pancupadanakkhandha -- Theo Phật Giáo, cái được gọi là chúng sanh gồm năm nhóm hay năm uẩn là: Sắc (rupa, vật chất), Thọ (Vedana), Tưởng (sanna), Hành (samkhara) và Thức (Vinnana). Đó là năm thành phần tâm-vật-lý cấu tạo nên một chúng sanh. Sắc gồm những năng lực và đặc tánh. Tâm gồm

những trạng thái tâm (cetasikas, tâm sở). Có tất cả năm mươi hai tâm sở. Trong năm mươi hai tâm sở ấy, Thọ (vedanna) và Tưởng (sanna) được kể như hai nhóm riêng biệt. Năm mươi tâm sở còn lại được gọi chung là Hành (samkhara).

10. Mỗi Đế có ba sắc thái, vậy bốn Đế gồm tất cả mười hai phương thức.
11. Ám chỉ quả vị A La Hán (arahattaphala).
12. Dhammacakkhu - Pháp Nhãn - Có nghĩa là một trong ba thánh đạo: Tu Đà Hườn, Tư Đà Hàm, và A Na Hàm. Lúc ấy ngài Kiều Trần Như đắc quả Tu Đà Hườn. Về sau các vị kia cũng đắc Tu Đà Hườn như vậy.
13. Yam kinci Samudayadhammam sabbam tam nirodha dhammam.

---

*Chân thành cảm ơn anh TABTT đã có thiện tâm đánh máy lại bài kinh này.*

---

## **Bản lược dịch của HT Thích Thiện Châu:**

### **Kinh Chuyển Pháp Luân**

Tôi nghe như vậy: Một thời Thế tôn ở trong Lộc Uyển, tại I-si-pa-ta-na, gần Bà-râ-nâ-si. Lúc bảy giờ, Thế Tôn nói với đoàn năm Tỳ kheo rằng:

Có hai điều cực đoan mà người xuất gia không nên làm theo. Những gì là hai? Một là đắm say dục lạc thấp hèn, đê tiện, phàm phu, không ích lợi, không cao cả. Hai là lao mình trong khổ hạnh, đau khổ, không cao cả, không ích lợi.

Này các Tỳ kheo, xa lánh hai điều cực đoan này. Như Lai chánh giác chứng ngộ Trung đạo, phát sinh sự thấy, sự hiểu, đưa đến an tịnh, thắng trí, Niết bàn.

Này các Tỳ kheo, thế nào là Trung đạo do Như lai chánh giác chứng ngộ, phát sinh sự thấy, sự hiểu, đưa đến an tịnh, thắng trí, Niết bàn? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này các Tỳ kheo, tâm Thánh đạo này là Trung đạo do Như Lai chánh giác chứng ngộ, phát sinh sự thấy, sự hiểu, đưa đến an tịnh, thắng trí, Niết bàn.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ: sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi khổ ưu não là khổ, oán thù tụ hội là khổ, thương yêu biệt ly là khổ, mong cầu không được là khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này các Tỳ kheo. Đây là thánh đế về Khổ nhân: chính ái dục dẫn đến tái sanh, do ái cấu kết với hỷ và tham, tìm kiếm thú vui nơi này chỗ khác; tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ diệt: chính là ly tham đoạn diệt hoàn toàn, xả bỏ, giải thoát, không chấp trước ái dục.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt: chính là Thánh đạo tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ cần phải hiểu rõ, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ đã được hiểu rõ, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ nhân, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ nhân cần phải đoạn trừ, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ nhân đã được đoạn trừ, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ diệt, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về Khổ diệt đã được chứng đạt, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt, đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, đây là thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, là điều đối với các pháp từ trước chưa từng nghe, nơi Ta nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.

Này các Tỳ kheo, cho đến khi nào tri kiến như thật về bốn Thánh đế với ba chuyển, mười hai tướng như trên không hoàn toàn rõ ràng nơi Ta, thì khi ấy, Ta không tự nhận chứng đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong thế giới với chư Thiên, Ma vương, Phạm Thiên, quần chúng Sa môn, Bà La Môn, Trời và Người.

Này các Tỳ kheo, khi nào mà tri kiến như thật về bốn Thánh đế với ba chuyển và mười hai tướng hoàn toàn rõ ràng nơi Ta, thì khi ấy, Ta mới tự nhận đã chứng đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong thế giới với chư Thiên, Ma Vương, Phạm Thiên, quần chúng Sa môn, Bà La Môn, Trời và Người. Bây giờ, tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta; đây là lần sinh cuối cùng, Ta không tái sinh nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, đoàn năm Tỳ kheo hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy. Trong lúc nghe pháp, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh không ô nhiễm như sau: "Tất cả các pháp do nhân duyên khởi ra đều bị hoại diệt".

*HT Thích Thiện Châu lược dịch*

---

*English version:*

**Samyutta Nikaya, V-420**

**Setting in Motion the Wheel of the Dhamma**

*translated by Bhikkhu Bodhi*

---

Thus have I heard. On one occasion the Blessed One was dwelling at Baranasi in the Deer Park at Isipatana. There the Blessed One addressed the bhikkhus of the group of five thus:

"Bhikkhus, these two extremes should not be followed by one who has gone forth into homelessness. What two? The pursuit of sensual happiness in sensual pleasures, which is low, vulgar, the way of worldlings, ignoble, unbeneficial; and the pursuit of self-mortification, which is painful, ignoble, unbeneficial. Without veering towards either of these extremes, the Tathagata has awakened to the middle way, which gives rise to vision, which gives rise to knowledge, which leads to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nibbana.

"And what, bhikkhus, is that middle way awakened to by the Tathagata, which gives rise to vision, which leads to Nibbana? It is this noble eightfold path; that is, right view, right intention, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, right concentration. This, bhikkhus, is that middle way awakened to by the Tathagata, which gives rise to vision, which gives rise to knowledge, which leads to peace, to direct knowledge, to enlightenment, to Nibbana.

"Now this, bhikkhus, is the noble truth of suffering: birth is suffering, aging is suffering, illness is suffering, death is suffering; union with what is displeasing is suffering; separation from what is pleasing is suffering; not to get what one wants is suffering; in brief, the five aggregates subject to clinging are suffering.

"Now this, bhikkhus, is the noble truth of the origin of suffering: it is this craving which leads to re-becoming, accompanied by delight and lust, seeking delight here and

there; that is, craving for sensual pleasures, craving for becoming, craving for disbecoming.

"Now this, bhikkhus, is the noble truth of the cessation of suffering: it is the remainderless fading away and cessation of that same craving, the giving up and relinquishing of it, freedom from it, non-reliance on it.

"Now this, bhikkhus, is the noble truth of the way leading to the cessation of suffering: it is this noble eightfold path; that is, right view, right intention, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, right concentration.

"This is the noble truth of suffering: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of suffering is to be fully understood: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of suffering has been fully understood: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This is the noble truth of the origin of suffering: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the origin of suffering is to be abandoned: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the origin of suffering has been abandoned: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This is the noble truth of the cessation of suffering: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the cessation of suffering is to be realized: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the cessation of suffering has been realized: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This is the noble truth of the way leading to the cessation of suffering: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the way leading to the cessation of suffering is to be developed: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"This noble truth of the way leading to the cessation of suffering has been developed: thus, bhikkhus, in regard to things unheard before, there arose in me vision, knowledge, wisdom, true knowledge, and light.

"So long, bhikkhus, as my knowledge and vision of these four noble truths as they really are in their three phases and twelve aspects was not thoroughly purified in this way [\*], I did not claim to have awakened to the unsurpassed perfect enlightenment in this world with its devas, Mara, and Brahma, in this generation with its recluses and brahmins, its devas and humans. But when my knowledge and vision of these four noble truths as they really are in their three phases and twelve

aspects was thoroughly purified in this way, then I claimed to have awakened to the unsurpassed perfect enlightenment in this world with its devas, Mara, and Brahma, in this generation with its recluses and brahmins, its devas and humans. The knowledge and the vision arose in me: 'Unshakeable is the liberation of my mind. This is my last birth. Now there is no more re-becoming.'

This is what the Blessed One said. Being pleased, the bhikkhus of the group of five delighted in the Blessed One's statement. And while this discourse was being spoken, there arose in the Venerable Kondanna the dust-free, stainless vision of the Dhamma: "Whatever is subject to origination is all subject to cessation."

And when the Wheel of the Dhamma had been set in motion by the Blessed One, the earth devas raised a cry: "At Baranasi, in the Deer Park at Isipatana, this unsurpassed Wheel of the Dhamma has been set in motion by the Blessed One, which cannot be stopped by any recluse or brahmin or deva or Mara or Brahma or by anyone in the world."

Having heard the cry of the earth devas, the devas of the realm of the Four Great Kings raised a cry: "At Baranasi, in the Deer Park at Isipatana, this unsurpassed Wheel of the Dhamma has been set in motion by the Blessed One, which cannot be stopped by any recluse or brahmin or deva or Mara or Brahma or by anyone in the world."

Having heard the cry of the devas of the realm of the Four Great Kings, the Tavatimsa devas, the Yama devas, the Tusita devas, the Nimmanarati devas, the Paranimmitavasavatti devas, the devas of Brahma's company raised a cry: "At Baranasi, in the Deer Park at Isipatana, this unsurpassed Wheel of the Dhamma has been set in motion by the Blessed One, which

cannot be stopped by any recluse or brahmin or deva or Mara or Brahma or by anyone in the world."

Thus at that moment, at that instant, at that second, the cry spread as far as the Brahma-world, and this ten thousandfold world-system shook, quaked, and trembled, and an immeasurable glorious radiance appeared in the world surpassing the divine majesty of the devas.

Then the Blessed One uttered this inspired utterance: "Kodanna has indeed understood! Kodanna has indeed understood!" In this way the Venerable Kodanna acquired the name "Anna Kodanna", Kodanna Who Has Understood.

---

***Notes:***

[\*] The three phases are:

- (i) the knowledge of each truth, e.g., "This is the noble truth of suffering";
- (ii) the knowledge of the task to be accomplished regarding each truth, e.g., "This noble truth of suffering is to be fully understood"; and
- (iii) the knowledge of accomplishment regarding each truth, e.g., "This noble truth of suffering has been fully understood."

The twelve modes are obtained by applying the three phases to the four truths.

**3. Kinh Lửa Cháy**  
***Aditta-pariyaya Sutta***

## *HT Thích Minh Châu dịch*

---

*Vài tháng sau khi giác ngộ, Đức Phật giảng bài pháp này cho 1,000 tu sĩ theo phái thờ thần lửa. Qua lối giảng siêu việt của Ngài, Đức Phật đã dùng ví dụ về lửa cháy (lửa tham, sân, si) để dạy về tâm xả ly đối với các cảm thọ qua sáu căn. Sau khi nghe bài giảng này, toàn thể thánh chúng đắc quả A la hán.*

-oOo-

1) Một thời Thế Tôn trú ở Gàya, tại Gàyasisa cùng với một ngàn Tỷ-kheo.

2) Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

--Tất cả, này các Tỷ-kheo, đều bị bốc cháy. Và này các Tỷ-kheo, tất cả cái gì đều bị bốc cháy?

3) Mắt, này các Tỷ-kheo, bị bốc cháy. Các sắc bị bốc cháy. Nhãn thức bị bốc cháy. Nhãn xúc bị bốc cháy. Do duyên nhãn xúc nên khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

4) Tai, này các Tỷ-kheo, bị bốc cháy. Các thanh bị bốc cháy. Nhĩ thức bị bốc cháy. Nhĩ xúc bị bốc cháy. Do duyên nhĩ xúc nên khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

5) Mũi, này các Tỷ-kheo, bị bốc cháy. Các hương bị bốc cháy. Tỷ thức bị bốc cháy. Tỷ xúc bị bốc cháy. Do duyên tỷ xúc nên

khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

6) Lưỡi bị bốc cháy. Các vị bị bốc cháy. Thiết thức bị bốc cháy. Thiết xúc bị bốc cháy. Do duyên thiết xúc nên khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

7) Thân bị bốc cháy. Các xúc bị bốc cháy. Thân thức bị bốc cháy. Thân xúc bị bốc cháy. Do duyên thân xúc nên khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

8) Ý bị bốc cháy. Các pháp bị bốc cháy. Ý thức bị bốc cháy. Ý xúc bị bốc cháy. Do duyên thân xúc nên khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ hay bất khổ bất lạc; cảm thọ ấy bị bốc cháy. Bị bốc cháy bởi cái gì? Bị bốc cháy bởi lửa tham, lửa sân, lửa si. Ta nói rằng bị bốc cháy bởi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não.

9) Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với mắt, nhằm chán đối với các sắc, nhằm chán đối với nhãn thức, nhằm chán đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Nhằm chán đối với tai, nhằm chán đối với các thanh, nhằm chán đối với nhĩ thức, nhằm chán đối với nhĩ xúc. Do duyên nhĩ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Nhàm chán đối với mũi, nhằm chán đối với các hương, nhằm chán đối với tỷ thức, nhằm chán đối với tỷ xúc. Do duyên tỷ xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Nhằm chán đối với lưỡi, nhằm chán đối với các vị, nhằm chán đối với thiệt thức, nhằm chán đối với thiệt xúc. Do duyên thiệt xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Nhằm chán đối với thân, nhằm chán đối với các xúc, nhằm chán đối với thân thức, nhằm chán đối với thân xúc. Do duyên thân xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Nhằm chán đối với ý, nhằm chán đối với các pháp, nhằm chán đối với ý thức, nhằm chán đối với ý xúc. Do duyên ý xúc khởi lên cảm thọ gì, lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc; vị ấy nhằm chán đối với cảm thọ ấy.

Do nhằm chán nên vị ấy ly tham. Do ly tham nên vị ấy được giải thoát. Trong sự giải thoát, khởi lên trí hiểu biết rằng: "Ta đã giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui với trạng thái này nữa".

10) Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

11) Và trong khi lời giải đáp này được nói lên, tâm của một ngàn Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

*HT Thích Minh Châu dịch  
"Bị Bốc Cháy", Tương Ưng Bộ, Tập IV (35.28), Đại Tạng  
Kinh Việt Nam  
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Sài Gòn, 1993*

---

**English version:**

**Samyutta Nikaya, 35.28**

**The Fire Sermon**  
*Aditta-pariyaya Sutta*

*Translated by Bhikkhu Bodhi*

---

*Several months after his Awakening, the Buddha delivers this sermon to an audience of 1,000 fire-worshipping ascetics. In his characteristically brilliant teaching style, the Buddha uses a metaphor that quickly penetrates to the heart of the audience -- in this case, the metaphor of fire. Upon hearing this sermon, the entire audience attains full Awakening (arahatta).*

-oOo-

On one occasion the Blessed One was dwelling at Gaya, at Gaya's Head, together with a thousand bhikkhus. There the Blessed One addressed the bhikkhus thus:

-- Bhikkhus, all is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The eye is burning, forms are burning, eye-consciousness is burning, eye-contact is burning, and whatever feeling arises with eye-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

The ear is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The ear is burning, sounds are burning, ear-

consciousness is burning, ear-contact is burning, and whatever feeling arises with ear-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

The nose is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The nose is burning, odours are burning, nose-consciousness is burning, nose-contact is burning, and whatever feeling arises with nose-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

The tongue is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The tongue is burning, tastes are burning, tongue-consciousness is burning, tongue-contact is burning, and whatever feeling arises with tongue-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

The body is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The body is burning, tactile objects are burning, body-consciousness is burning, body-contact is burning, and whatever feeling arises with body-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning

with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

The mind is burning. And what, bhikkhus, is the all that is burning? The mind is burning, mental phenomena are burning, mind-consciousness is burning, mind-contact is burning, and whatever feeling arises with mind-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant -- that too is burning. Burning with what? Burning with the fire of lust, with the fire of hatred, with the fire of delusion; burning with birth, with aging, with death; with sorrow, with lamentation, with pain, with displeasure, with despair, I say.

Seeing thus, bhikkhus, the instructed noble disciple becomes disenchanted with the eye, with forms, with eye-consciousness, with eye-contact, with whatever feeling arises with eye-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

He becomes disenchanted with the ear, with sounds, with ear-consciousness, with ear-contact, with whatever feeling arises with ear-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

He becomes disenchanted with the nose, with odours, with nose-consciousness, with nose-contact, with whatever feeling arises with nose-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

He becomes disenchanted with the tongue, with tastes, with tongue-consciousness, with tongue-contact, with whatever feeling arises with tongue-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

He becomes disenchanted with the body, with tactile objects, with tongue-consciousness, with tongue-contact, with whatever

feeling arises with tongue-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

He becomes disenchanted with the mind, with mental phenomena, with mind-consciousness, with mind-contact, with whatever feeling arises with mind-contact as condition -- whether pleasant or painful or neither-painful-nor-pleasant.

Being disenchanted, he becomes dispassionate. Through dispassion (his mind) is liberated. When it is liberated there comes the knowledge: "It's liberated." He understands: "Destroyed is birth, the holy life has been lived, what had to be done has been done, there is no more for this world."

This is what the Blessed One said. Being pleased, those bhikkhus delighted in the Blessed One's statement. And while this discourse was being spoken, the minds of the thousand bhikkhus were liberated from the taints by non-clinging.